

BẢNG LƯƠNG THÁNG 4 NĂM 2022 (MLTT 1.490.000 đồng)

STT	HỌ VÀ TÊN	HẠNG	MÃ SỐ	BẬC	TIỀN NH TIỀN				TRUY LÃNH				TỔNG				DVT : đồng				Ký hiệu			
					Lương	PC VK	B. thu	PC chức	Lương	Phụ cấp	PC TN	QU LƯƠNG	(0% TQL)	(15% TQL)	(1% TQL)	(5%)	PCUB	TRUY LÃNH	TIỀN LÃNH					
1	HT LƯƠNG NGỌC MINH	II	V.07.02.04	6	3.990	0.299	1.30	2.79	104.674.940	44.551.0	-	1.937.000	17.674.929	0	154.364	7.827.417	9.732.768	1.824.895	1.216.597	35.153.794	0	144.029.137	9.347.074	1.
2	HP ĐOÀN THỊ THANH HIỆ	II	V.07.02.04	8	4.650	-	0.50	0.17	5.945.100	-	-	745.000	1.137.317	-	-	8.522.055	626.193	117.411	127.831	2.341.935	-	10.052.214	2.341.935	2.
3	GV.HT PHẠM THỊ BÍCH THUYỀN	II	V.07.02.04	9	4.980	0.299	0.20	0.26	7.420.200	445.510	-	298.000	2.122.865	-	-	10.236.275	681.764	127.831	83.221	2.424.975	-	12.052.515	3.	
4	GV.HT NGUYỄN THỊ KIM ANH	II	V.07.02.04	9	4.980	-	0.20	0.27	7.420.200	-	-	298.000	2.081.914	154.364	-	9.956.478	796.518	149.347	99.565	2.701.370	-	12.052.515	4.	
5	GV.HT NGUYỄN THỊ NGỌC NÚ	II	V.07.02.04	8	4.650	-	0.20	0.24	6.928.500	-	-	-	1.936.840	-	-	8.591.340	687.307	128.870	85.913	2.424.975	-	10.114.225	5.	
6	BC1 GV DƯƠNG THỊ MAI LAN	III	V.07.02.04	9	4.980	-	0.26	0.26	7.420.200	-	-	-	1.929.232	-	-	9.349.452	747.956	140.342	93.495	2.597.070	-	7.549.725	7.	
7	BC1 GV LÊ THỊ NGỌC BÍCH	III	V.07.02.05	6	3.650	-	0.16	0.16	5.438.500	-	-	-	700.160	-	-	6.908.660	404.693	94.650	63.087	1.903.475	-	7.227.784	8.	
8	BC1 GV BÙI THỊ HỒNG	III	V.07.02.05	5	3.340	0.20	0.14	0.14	4.976.600	-	-	298.000	718.444	6.013.044	90.196	6.013.044	90.196	60.130	1.846.110	-	5.984.461	9.		
9	BC1 GV PHẠM NGỌC MINH PHƯƠNG	III	V.07.02.05	4	3.030	-	0.09	0.09	4.514.700	-	-	-	406.323	4.921.023	393.682	73.815	49.210	1.580.145	-	5.984.461	10.			
10	BC1 GV ĐO THỊ HỒNG BÍCH KIM LÂN	III	V.07.02.05	4	3.030	-	0.09	0.09	4.514.700	-	-	-	406.323	4.921.023	393.682	73.815	49.210	1.580.145	-	5.984.461	10.			
11	BC1 GV TRƯƠNG THỊ NGỌC DUNG	III	V.07.02.05	8	4.270	-	0.21	0.21	6.362.300	-	-	-	800.160	7.698.383	615.871	115.476	76.984	2.226.805	-	9.116.857	11.			
12	BC1 GV TRẦN THỊ YẾN THỊ	III	V.07.02.05	6	3.650	0.16	0.16	0.16	5.438.500	-	-	-	700.160	6.908.660	563.087	94.630	63.087	1.903.475	-	7.549.725	12.			
13	BC1 GV NGUYỄN THỊ HỒNG	III	V.07.02.05	5	3.340	0.13	0.13	0.13	4.976.600	-	-	-	666.918	5.623.558	449.885	84.353	56.236	1.741.810	-	6.774.894	13.			
14	BC1 GV TRẦN THỊ HƯƠNG	III	V.07.02.05	4	3.030	0.11	0.11	0.11	4.514.700	-	-	-	406.617	5.011.317	400.905	75.170	50.113	1.580.145	-	6.065.274	14.			
15	BC1 GV.HT NGUYỄN THUY QUỲNH	IV	V.07.02.06	7	3.660	0.20	0.11	0.11	4.539.400	-	-	298.000	383.536	5.391.714	431.317	80.873	46.449	1.700.090	-	6.525.694	15.			
16	BC1 GV HOÀNG THUY HỒNG VÂN	IV	V.07.02.06	4	2.660	0.09	0.09	0.09	4.261.400	-	-	-	383.536	4.644.926	371.594	69.674	46.449	1.991.490	-	5.646.679	16.			
17	BC1 GV MAI THỊ UỐC	IV	V.07.02.06	4	2.660	0.07	0.07	0.07	3.665.400	-	-	-	268.578	3.921.978	313.728	58.830	39.220	1.182.890	-	4.793.060	17.			
18	BC1 GV HUỠNH BẢO NGỌC	IV	V.07.02.06	1	1.860	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	969.990	18	115	112
19	BC1 NV NGUYỄN THUY LONG	AO	014.003	8	4.270	-	-	-	6.362.300	-	-	-	-	-	-	6.362.300	508.984	95.435	63.623	-	5.694.258	19.		
	TÀI SƯ				-	-	-	-	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	GIÚP ĐÔNG QUÂN				0.000	-	-	-	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	GIÚP ĐÔNG - ND 64				0.000	-	-	-	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	